

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-12-2019

V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Minh Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng

2. Ông Bùi Xuân Minh

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Xô, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 11 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 607/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Kiều Mai L, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Ông Lê Trọng N, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Kiều Mai L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Trọng N sống chung từ năm 2018, hôn nhân do bà tự nguyện lựa chọn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 05 tháng 11 năm 2018. Bà và ông N đã ly thân khoảng 04 tháng nay.

Lý do bà yêu cầu ly hôn: Bà và ông Lê Trọng N có nhiều mâu thuẫn dẫn đến cự cãi thường xuyên. Ông N không còn quan tâm đến gia đình. Nay, bà yêu cầu ly hôn ông Lê Trọng N.

Về con chung: Ông Lê Trọng N và bà có 01 người con chung tên là Lê Trọng N, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2018. Con chung đang do bà nuôi. Bà yêu cầu nuôi con là Lê Trọng N và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định bà và ông Lê Trọng N không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Trọng N đã được Tòa án mời hòa giải và xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Trọng N được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ vào ngày 15 tháng 11 năm 2019 và ngày 11 tháng 12 năm 2019 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông N theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận định, bà Kiều Mai L và ông Lê Trọng N sống chung với nhau từ năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 05 tháng 11 năm 2018 nên được công nhận là vợ chồng từ ngày đăng ký kết hôn. Bà Kiều Mai L yêu cầu ly hôn ông Lê Trọng N với lý do: Bà không còn tình cảm với ông N, ông N không quan tâm đến gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, bà L và ông N đã phát sinh mâu thuẫn nhưng các bên không có biện pháp nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng và không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận cho bà Kiều Mai L ly hôn ông Lê Trọng N.

[4] Về con chung: Ông Lê Trọng N và bà Kiều Mai L có 01 người con chung là cháu Lê Trọng N, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2018. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi và được bà Kiều Mai L nuôi từ khi ly thân cho đến nay nên tiếp tục giao cháu N cho bà Kiều Mai L nuôi là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà L, sự tự nguyện của bà L là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Ông N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định bà và ông N không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình. Ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Kiều Mai L ly hôn ông Lê Trọng N.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê Trọng N, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2018 cho bà Kiều Mai L nuôi. Ông Lê Trọng N không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Bà Kiều Mai L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình; bà L có nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002646, ngày 09 tháng 9 năm 2019, được chuyển thu đối trừ. Ông Lê Trọng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Minh Trung